

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **97/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 07-12-2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 474/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1009/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Thanh H**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông **Lý Thành Ngh**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lý Thành Ngh tự nguyện chung sống vào năm 1993, đến năm 2000 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đ (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 16/11/2000).

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn (bất đồng quan điểm, tính tình không hợp...) nên thường xuyên bất hòa. Từ khoảng tháng 10/2021, bà và ông Ngh sống ly thân nhau đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên bà cương quyết xin ly hôn với ông Ngh.

- Con chung: có 02 cháu là Lý Hoàng Q, sinh năm 1994 và Lý Bảo Tr, sinh năm 1998. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

Do bận đi làm nên bà H xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

** Bị đơn ông Lý Thành Ngh trình bày:*

Ông và bà Đặng Thị Thanh H tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình vào năm 1993, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2000 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã P (đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn).

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, không thể chia sẻ, thấu hiểu nhau, thường xuyên gây gỗ, cãi nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên ông đồng ý ly hôn với bà H.

- Con chung: có 02 cháu là Lý Hoàng Q, sinh năm 1994 và Lý Bảo Tr, sinh năm 1998. Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm nên ông Ngh xin vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Bà Đặng Thị Thanh H và ông Lý Thành Ngh tự nguyện chung sống vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đ. Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Lý Hoàng Q, sinh năm 1994 và Lý Bảo Tr, sinh năm 1998 đều đã trưởng thành và có khả năng lao động. Nguyên nhân mâu thuẫn theo các đương sự khai là do bất đồng quan điểm sống nên

bất hòa. Nay bà H xin ly hôn, ông Ngh đồng ý. Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Đặng Thị Thanh H và ông Lý Thành Ngh có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Bà Đặng Thị Thanh H yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Lý Thành Ngh. Qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P ngày 28/10/2022 thì hiện nay ông Ngh cư trú và sinh sống tại ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là bà Đặng Thị Thanh H, bị đơn là ông Lý Thành Ngh.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Thanh H và ông Lý Thành Ngh chung sống vào năm 1993, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01 ngày 16/11/2000. Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986 thì hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay bà H xin ly ông Ngh vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo bà H và ông Ngh khai là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Nay bà H cương quyết xin ly hôn, ông Ngh đồng ý. Việc các đương sự thỏa thuận ly hôn là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà H và ông Ngh khai có 02 cháu là Lý Hoàng Q, sinh năm 1994 và Lý Bảo Tr, sinh năm 1998 đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Tài sản chung: bà H, ông Ngh không tranh chấp nên không xét.

[6]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 1986, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh H về việc “Ly hôn” đối với bị đơn ông Lý Thành Ngh.

1. Xử: Cho bà Đặng Thị Thanh H được ly hôn ông Lý Thành Ngh.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008444 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Bà H đã nộp đủ án phí.

Bà Đặng Thị Thanh H, ông Lý Thành Ngh được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai

